

Về sự chuyển đổi cấu trúc làng xã ven đô thị lớn trong quá trình đô thị hoá (trường hợp Hà Nội)

PGS.TS Nguyễn Đức Thiêm

Việt Nam đang thực hiện chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đi kèm quá trình này sẽ là diễn trình mạnh mẽ của đô thị hoá, đang ảnh hưởng cả bề rộng lẫn bề sâu trên khắp đất nước. Nhưng có lẽ rõ ràng hơn cả là ở các thành phố lớn, trong phạm vi nội đô và ở các làng xã ven đô. Số phận các làng nội đô, cũng như sự chuyển đổi cấu trúc, chức năng và không gian kiến trúc các làng ven đô đang thực sự thu hút sự quan tâm chính đáng của nhiều ngành, của nhiều loại chuyên gia trong đó có giới kiến trúc sư. Đô thị hoá Việt Nam được tiến hành trong điều kiện đã có nhiều kinh nghiệm xương máu của các nước mà trong đó nổi bật lên vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, giữ gìn bản sắc và tâm hồn cho các "quần cư nông thôn đô thị hoá".

A. CÁC NHẬN ĐỊNH CƠ BẢN:

+ Quá trình đô thị hoá mạnh mẽ ở các thành phố lớn một mặt đang dần

thôn tính và thay đổi tận gốc các làng nội đô, mặt khác các làng ven đô lại đang chịu ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các làng ven đô này đang chuyển đổi cơ cấu chức năng và không gian mạnh mẽ nếu biết cách khống chế và can thiệp chúng ta sẽ vẫn có thể bảo tồn và phát huy được các mặt mạnh và tích cực của các làng xã cổ truyền đầy bản sắc văn hoá Việt Nam. Đó là sự thật khách quan, là điều không thể tránh né. Sự mở rộng của các đô thị lớn sẽ không chỉ cắt đứt mối quan hệ "nhà ở- đồng ruộng, miệt vườn", cái cơ sở đã tạo nên lối sống nông thôn ở các làng nội đô làm cho các làng thuần nông khó tồn tại, mà sẽ còn tác động và ảnh hưởng lan rộng ra các vùng ven đô, sẽ biến nhiều làng xã trở thành các khu ở đô thị, các đất chuyên dụng phục vụ đô thị (công nghiệp, dịch vụ, nghỉ ngơi giải trí...). Sự chuyển đổi cấu trúc làng xã để hoà nhập vào cấu trúc đô thị, trở thành đơn vị ở đô thị ở nhiều mức độ khác nhau

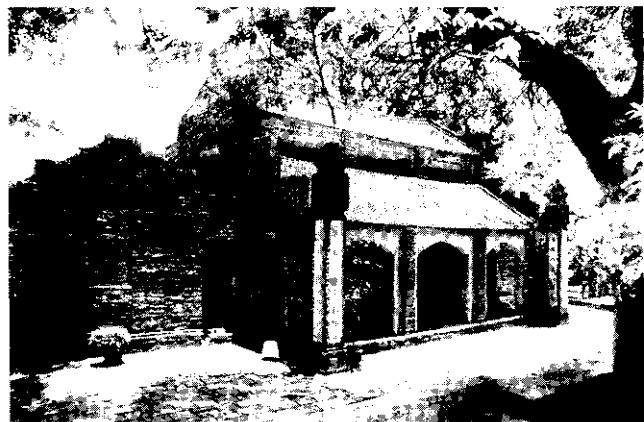
đang như một xu thế chính, quan trọng vừa ở cả cách nhìn tích cực, năng động vừa rất hợp quy luật khách quan. Vấn đề sẽ có tầm ảnh hưởng- liên quan rất lớn và không kém độ phức tạp, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam nên rất cần và phải biết giới hạn phạm vi nghiên cứu. Trước mắt chỉ nên nhắm vào các làng xã ven đô, những làng xã còn khả năng giữ được mối quan hệ "đồng ruộng- vườn ao- nhà ở", nền tảng của tổ chức không gian cư trú nông nghiệp- tức các làng xã cổ truyền với nhiều bản sắc riêng và độc đáo, hoàn toàn tương phản với cấu trúc đô thị, nhưng bao hàm được sự thống nhất hài hoà âm- dương (nông thôn- thành thị) vốn có trong các quần cư nông nghiệp lúa nước phương Đông.

+ Cấu trúc của các làng nghề ven đô hiện tại luôn là cấu trúc đan xen phần đô thị và phần nông thôn (của Hà Nội). Thật vậy, trong suốt giai đoạn phát triển thời phong kiến, các làng xã vùng ven Hà Nội gần bó mật thiết với kinh thành. Các phường, các làng nghề vùng

Cổng làng, mái đình gốc đa làng quê Việt Nam.



Không gian tam linh.



ven nổi tiếng như phường Bưởi làm giấy, Nghi Tàm trồng dâu dệt lụa, Nghĩa Đô làm giấy sắc... cung cấp sản phẩm cho cư dân trong thành. Cùng với các làng nghề trồng rau, hoa quả khác, các làng xã khác cũng đã tồn tại đan xen hoà trộn vào đô thị.

Các làng xã tồn tại cuối thời phong kiến và Pháp thuộc dần lọt vào trong lòng đô thị và từng bước được đô thị hoá là:

- Khu "Thập tam trại" ở phía Tây kinh thành thời Lý sau này trở thành địa bàn của các làng Liễu Giai, Giảng Võ, Vĩnh Phúc, Đại Yên, Thủ Lệ, Cống Vị, Vạn Bảo, Ngọc Hà, Hữu Tiệp...

- Phía đông và đông nam có các làng: Đống Nhân, Thanh Nhân, Lương Yên, Quỳnh Lôi, Vĩnh Tuy (thôn Đoài).

Trong quá trình xây dựng các khu nhà ở mới, đô thị còn bao bọc thêm các làng như: Khương Thượng, Trung Tự, Kim Liên...

Với sự hình thành của các khu công nghiệp như khu: Mai Động, Đồng Anh, Sài Đồng, Đức Giang năm 1982 hình thành thêm một số phường và thị trấn mới như phường Thanh Xuân, Mai Động, Kim Giang, gần đây còn phải kể đến Quảng Bá, Phú Thượng quận Tây Hồ....

Về cơ bản ở đây cũng đã tạo lập được một cấu trúc nội tại khá bền vững trong mối quan hệ như phần "dương" với phần "âm" trong quan niệm truyền thống về sự hài hoà, cân bằng ổn định của triết lý người Việt. Vậy là các làng nội đô rõ ràng đại bộ phận rồi trước sau

cũng sẽ bị xoá bỏ để trở thành các thành phần đô thị hiện đại theo kinh nghiệm của nhiều nước và chính thực tế của Việt Nam cũng đã chứng minh khá hùng hồn. Một đô thị hiện đại phát triển bền vững không thể để tồn tại những mảng xanh lốm đốm đa bào, vừa manh mún, khó hiện đại hoá, lãng phí đất đô thị, vừa đã bị khai thác đã quá tải, là nguồn gây ô nhiễm về nhiều mặt, vì thế đến nay không còn cơ hội để phát triển lành mạnh.

Để cho sự can thiệp của các nhà chuyên môn, các nhà quản lý khỏi duy ý chí, phù hợp với quy luật khách quan và có hiệu quả, không thể không tìm hiểu và làm rõ các vấn đề cần quan tâm sau đây (xem là các cơ sở khoa học cho các đề xuất):

- Các hệ quả của sự chuyển đổi cấu trúc tự phát do kinh tế thị trường và đô thị hoá ồ ạt thiếu kiểm soát (về không gian cư trú, mật độ xây dựng, ngành nghề, lối sống, chất lượng môi trường sống và điều kiện vệ sinh, môi trường thẩm mỹ, phân tầng xã hội....)

- Hiệu quả kinh tế xã hội nếu như điều khiển được quá trình đô thị hoá các làng xã ven đô thị lớn, và kể từ đó định hướng mức độ can thiệp chủ động (loại nào cần giữ lại tổ chức không gian làng truyền thống, loại nào cần mạnh dạn xoá để biến thành khu ở đô thị hay khu đệm (không gian xanh mở phục vụ du lịch sinh thái, vui chơi giải trí), lập kế hoạch tái định cư các làng nội đô quá cô lập, khó cải tạo (về lâu dài không thể nằm lọt thỏm cô lập giữa các đô thị hiện

đại) và các định hướng chuyển đổi cơ cấu của chúng nhằm biến thành khu ở theo hướng tích cực và khả thi.

- Cần so sánh tìm ra cho được các điểm tương đồng và khác biệt giữa quần cư đô thị và làng xã để thấy rõ hơn quá trình tác động qua lại, từ đó mới có thể tạo ra sự chuyển đổi tích cực về nhiều mặt cho "làng xã ven đô- đô thị hoá".

- Phân loại và thống kê được các kiểu cấu trúc làng xã (làng nông nghiệp, làng nghề, làng thuần nông- bán nông...) từ đó xác định đặc điểm chuyển đổi cấu trúc của chúng dưới sức ép đô thị hoá khác nhau.

- Những thuận lợi và khó khăn của sự chuyển đổi này dưới tác động của kinh tế thị trường khi nhà đất đã thực sự trở thành một hàng hoá đặc biệt, siêu lợi nhuận, từ đó đánh giá khả năng chuyển đổi, hình thức chuyển đổi cho từng loại làng xã ven đô.

- Tâm lý bám đất, bám làng và tác động tích cực của kinh tế thị trường...

- Các hình thức sử dụng khai thác đất đai trong các làng xã ven đô để trở thành một bộ phận của đô thị, vì rõ ràng không thể các làng xã đó đều trở thành đơn vị ở đô thị, từ đó thấy cần ưu tiên như thế nào? cần tìm hiểu phát hiện các nhân tố tác động tích cực của quá trình đô thị hoá dẫn đến sự chuyển đổi cơ cấu và các dạng chuyển đổi phù hợp, khả thi.

- Cần làm rõ được sự khác biệt cơ bản giữa đơn vị ở làng xã và đơn vị ở đô thị: Nhà ở và đồng ruộng, nhà ở và dịch vụ, lối sống đô thị- nông thôn, mật độ

Cảnh sắc làng cổ Việt Nam.



Vườn cây ao cá.



xây dựng, mật độ cư trú, chất lượng hạ tầng kỹ thuật và tiện nghi, cơ cấu trình độ văn hoá, nghề nghiệp dân cư...

- Làm bật được tác động khác biệt của đô thị hoá với các dạng kiểu làng xã (thuần nông, làng nghề truyền thống, kinh doanh hoa trái kiểu miệt vườn...) và các dạng chuyển hoá tương ứng.

- Hướng trọng tâm nghiên cứu vào chuyển hoá cấu trúc nhằm biến điểm dân cư nông thôn ngoại thành thành đơn vị ở đô thị mà không phá vỡ hoặc xoá bỏ hoàn toàn cấu trúc làng xã cũ, tạo sự hài hoà cân bằng sinh thái phát triển bền vững.

- Cần đề xuất mô hình cấu trúc mới về đơn vị ở nhằm cố gắng giữ gìn giá trị văn hoá truyền thống kèm theo một số kiến nghị về các chỉ tiêu xây dựng, phương thức thực hiện cụ thể và trình tự tiến hành mang tính khả thi...

Tóm lại cần đi sâu tìm hiểu các quá trình chuyển hoá cấu trúc ở đô thị, nhìn thấy được những vận động tự thân khách quan của "sức ép đô thị hoá", của kinh tế mở - thị trường trong các vùng "làng xã - đô thị hoá" mạnh; cũng như tìm cách vận dụng kinh nghiệm của thế giới, các tiến bộ khoa học kỹ thuật qua các bài học của các nước (chủ yếu ở Đông Nam Á, vốn có điều kiện tự nhiên cấu trúc kinh tế - xã hội gần với ta), khẳng định thật rõ khái niệm "đơn vị ở đô thị" - mà phải là của đô thị lớn (kiểu Hà Nội, TP Hồ Chí Minh) với các đặc thù bằng định chuẩn về mật độ cư trú, mật độ xây dựng, độ cao tầng, lối sống, chất lượng tiện nghi, hạ tầng kỹ thuật đô thị và bản thân kiểu cách nhà ở...Rõ ràng rồi sẽ thấy được sự không thích hợp rất cơ bản này với các làng nội đô có kiểu ở vốn gắn liền với đồng ruộng (làng lúa) và vườn ruộng (làng hoa) để can thiệp bằng các giải pháp đồng bộ và liên ngành, mới hy vọng có kết quả.

Tất nhiên ven đô thị sẽ vẫn còn tồn tại những kiểu quần cư nông nghiệp như thế, song nên là làng nghề cổ; nhưng đa phần làng xã vẫn rất cần tập trung theo hướng mô hình chuyển đổi cấu trúc từ những làng ven đô thành "đơn vị ở đô thị hiện đại" với lối sống như đô thị, chứ không phải nửa vời "vừa đô thị vừa nông thôn". Cũng có thể cần

khẳng định chủ trương xem các làng xã nội đô chỉ là khu ở thấp tầng theo lối truyền thống với kiểu nhà vườn đã được phục hồi tôn tạo, phục vụ dân đô thị và khách du lịch như những bảo tàng sống, điểm du lịch sinh thái, điểm giới thiệu làng nghề truyền thống vốn không đòi hỏi nhu cầu đất ruộng, đất vườn ruộng (công viên cây xanh kiểu rừng đặc sản, miệt vườn cây trái, làng du lịch sinh thái nội đô, ven đô...).

Làng ven đô tổ chức tốt không những không ngăn cản quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá mà còn có thể ngăn cản tác động xấu của làn sóng đô và tạo ra vẻ đẹp hiện đại và dân tộc cho đô thị Hà Nội. Muốn thế cần thấy rõ các khía cạnh sau:

- Cấu trúc của làng nghề ven đô là một cơ thể sống, mọi thành phần cấu thành có quan hệ mật thiết với nhau, nó luôn vận động và phát triển rất khó kiểm soát và điều hành. Cái mới hôm nay tiến trình luôn phát triển theo đường xoáy tròn ốc. Cái mới có mối quan hệ mật thiết với cái cũ, không bao giờ tự biến đi dễ dàng, bởi làng xã cổ truyền luôn mang sức ỳ lớn có tính kế thừa, tính địa phương và chứa chất bản sắc dân tộc đậm đặc bền vững (các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể).

- Cấu trúc làng nghề ven đô là các tổ chức không gian có tính cộng đồng sâu sắc từ bao đời nay. Nó vừa là cấu trúc hết sức chặt chẽ bởi được tạo lập từ những đặc trưng độc đáo như là một hệ sinh thái ổn định cân bằng vừa dựa theo luật phong thủy, vừa tạo lập môi trường sống với các quan hệ cộng đồng có sự hài hoà gắn kết giữa các con người và giữa con người với thiên nhiên với các hình thức đa dạng phong phú.

- Làng ven đô được coi là một môi trường nhân tạo do cộng đồng người tạo ra trong sự ưu ái và tôn trọng tự nhiên. Phát triển môi trường làng ven đô cần chú ý bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, để môi trường tự nhiên có tác động tích cực tới làng ven đô và đô thị, nhưng trước tiên đảm bảo một môi trường sống thích hợp nhất cho nhu cầu sinh tồn và phát triển của cư dân làng nghề ven đô một cách hài hoà và bền vững. Những giá trị

văn hóa vật thể và phi vật thể biểu hiện ở các mặt sau:

1. Giá trị văn hoá vật chất đầy hình tượng phong phú và gợi cảm

- Làng truyền thống ven đô có nhiều nét khác biệt so với các làng truyền thống đồng bằng Bắc Bộ, do vị trí sát với đô thị các làng này chịu ảnh hưởng ít nhiều của lối sống đô thị. Dân cư sống chủ yếu bằng nghề cổ truyền do vậy không gian ở và không gian sản xuất luôn đi liền với nhau dẫn đến cấu trúc làng có nhiều nét đặc biệt, cảnh quan làng có vẻ khang trang hơn so với các làng khác.

- Hệ thống cảnh quan làng gồm: cổng làng, đường làng, đình, chùa, miếu, đền, quán, cây đa, giếng nước, ao chuôm, cánh đồng làng và không gian ở...

2. Giá trị văn hoá tinh thần sâu đậm và bền chặt

- Làng truyền thống trải qua hàng ngàn năm phát triển, hình thành nên các cụm trung tâm văn hoá bền vững, điều hoà sự cân bằng giữa con người với thiên nhiên và lưu giữ những giá trị văn hoá phi vật chất phong phú:

+ Thể hiện qua lễ hội truyền thống, là điều kiện tạo nên môi trường giao tiếp tinh cảm, thi thố trí tuệ, tài năng. Tại đây có lễ rước thần, chọi gà, chọi cờ người, đấu vật, đánh đu, hát đối, tuồng, quan họ, hội chim cảnh, cây cảnh...Ngày hội là điểm giao hoà giữa quá khứ lịch sử và hiện tại, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa con người với thiên nhiên, giữa trần gian và thần thánh...Điều đó chính là nét sinh hoạt đẹp của văn hoá truyền thống Việt Nam.

+ Thể hiện qua hương ước của làng, lối sống truyền thống đã được thay đổi trong các làng cổ ven đô là lối sống làng - đô thị bởi sự cởi mở trong giao tiếp và trực tiếp hoà nhập vào cuộc sống đô thị.

+ Thể hiện qua nhiều dạng văn hoá từ ngôn từ, ca dao tục ngữ truyền miệng đến văn học chính thống.

Nếu giá trị văn hoá vật chất là cái thể hiện cho giá trị văn hoá tinh thần, thì giá trị tinh thần lại đưa giá trị vật chất đi sâu vào trong tâm thức con người.

3. Cấu trúc cộng đồng làng xóm

tiểu nông là những đơn vị cân bằng sinh thái bền vững và đậm đà bản sắc địa phương (nhiều dạng).

Môi trường sống của người dân làng ven đô dựa trên cơ sở tồn tại của sinh hoạt cộng đồng ổn định. Mối quan hệ tương tác được thể hiện qua:

- Quan hệ kinh tế văn hoá gắn bó lâu đời có cùng địa vực và quyền lợi chung. Thể hiện ở các truyền thống lâu đời, các giá trị tập quán, các lễ hội truyền thống và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân (thường hay đi lễ chùa, đền, nhà thờ, đình...) hoặc cùng gắn bó với nhau qua ruộng công, qua thần thành hoàng, cùng chung một tín ngưỡng sâu nặng tình làng nghĩa xóm.

- Quan hệ hàng xóm láng giềng: Các mối quan hệ hàng ngày giữa những người sống trong cùng một ngõ xóm hoặc những ngôi nhà liền kề "*bán anh em xa mua láng giềng gần*".

- Quan hệ họ hàng thân tộc: Quan hệ giữa người cùng một gia



Ngõ làng.



Quanh cơ ngõ xóm.

đình, dòng họ thể hiện sự gắn bó bằng việc thờ cúng tổ tiên, cùng chung nhà thờ họ, gia phả... "*một giọt máu đào hơn ao nước lã*".

- Quan hệ cùng phe giáp: Quan hệ theo lớp tuổi, nhu cầu tạo một thể bình đẳng trong cùng thế hệ dù chỉ về hình thức cùng với quan niệm: "*kính già, già để tuổi cho*", "*sống lâu lên lão làng*", "*kính lão đắc thọ*".

- Quan hệ phường hội "buôn có bạn bán có phường"...

4. Không gian sinh hoạt cộng đồng truyền thống thấm đẫm hồn dân tộc và đầy tính biểu cảm (cây đa, quán nghỉ, đường làng, ngõ xóm, chùa đình, đền miếu, cổng làng, giếng khơi, cầu ao, hàng đậu...).

Đối với mỗi người Việt Nam, một khi đi xa nhớ về quê hương là nhớ đến "cây đa, bến nước, mái đình". Hình ảnh từ ký ức ấy đã khẳng định tổng thể không gian kiến trúc đình làng là một cảnh quan kiến trúc sinh thái đặc sắc gợi nhớ trong đó chùa quê đình làng

thường thấp thoáng bên những tán cây cổ thụ hoặc cùng soi bóng xuống gương nước sông hồ tự nhiên, nếu không thì cũng là ao chuôm bán nguyệt nhân tạo với lưu ảnh của các mái cong đồ sộ, sân đình thoáng rộng, cột tam quan cổng làng cửa đình... Đình thực sự còn là niềm tự hào chung của toàn dân làng, ai cũng muốn tự hào đình làng mình to nhất, đẹp nhất và gần bó bên chặt với các kỉ niệm sâu sắc của một đời người về quê hương chôn rau cắt rốn.

B. CÁC KẾT LUẬN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CAN THIỆP

Làng xã vùng ven đô thị lớn ĐBSH có nguồn gốc hình thành từ các làng xã truyền thống và hiện đại cơ bản vẫn giữ gần nguyên vẹn cấu trúc không gian, đang thừa kế các mối quan hệ xã hội truyền thống của làng xã Việt Nam, của văn hoá phương Đông, của văn minh lúa nước, rất đặc sắc rất cần được phát huy để toả sáng.

Trong quá trình phát triển mở rộng của các đô thị lớn theo quy hoạch định hướng mà tiêu biểu là Hà Nội và Hải Phòng, các làng xã cổ truyền dần dần lọt vào vùng nội đô với những chuyển biến toàn diện về cấu trúc cũng như cơ cấu văn hoá kinh tế xã hội, trở thành một bộ phận dân cư đô thị hiện đại thế kỷ 21 là điều không tránh khỏi.

Cấu trúc của các làng xã nội đô hiện nay có rất nhiều vấn đề tồn tại phải khắc phục và giải quyết. Vì vậy trong tương lai với bối cảnh kinh tế xã hội mới, với tốc độ đô thị hoá nhanh, cần có những định hướng và mô hình cụ thể cho việc chuyển đổi làng xã thành đơn vị ở đô thị, tránh lặp lại những nhược điểm của quá trình trước đây, chủ động đưa không gian truyền thống phục vụ đô thị.

1. Về cơ cấu đô thị, các làng nội đô có thể làm chức năng như những không gian đóng vai trò vùng đệm, rừng cây xanh với khu ở thấp tầng, xen kẽ giữa các khu cao tầng của thành phố, có tác dụng tích cực đưa yếu tố mặt nước, cây xanh vào sâu trong lòng đô thị, góp phần tạo cảnh quan và môi trường đặc sắc cho bản thân đô thị. Mặt khác, các làng còn giữ được yếu tố

nghề truyền thống hoặc có danh lam, thắng cảnh, di tích văn hoá sẽ cải tạo thành những điểm dân cư kết hợp làm dịch vụ du lịch sinh thái của thành phố là hướng rất tốt. Do làng nội đô được hình thành từ làng truyền thống nên hệ thống không gian của làng nội đô chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi lối sống cộng đồng "*Làng xóm láng giềng*". Với đặc điểm của một đô thị châu Á từ những ngày đầu hình thành, hệ thống làng đã đóng vai trò như một hệ thống các khu ở lớn chứa đầy chứng tích lịch sử ngay trong lòng đô thị. So với phương thức tự cung tự cấp của một làng thuần nông truyền thống thì làng nội đô về cơ bản đại bộ phận dân cư hiện nay là phi nông nghiệp, thường làm việc tại các khu vực khác nhau thuộc đô thị. Một phần nhỏ dân cư vẫn giữ được nghề nông nghiệp kết hợp tiểu thủ công nghiệp mang tính truyền thống của làng xưa mới làm việc tại nhà. Tuy nhiên, đơn vị ở cộng đồng làng nội đô không phải còn giữ nguyên mô hình cấu trúc khép kín "*tự cung, tự cấp*" của làng xã cổ truyền Bắc Bộ, đó là kết quả của sự chuyển đổi đồng thời của hai quá trình của sự phát triển tự phát: chuyển đổi từ dân cư nông nghiệp sang dân cư đô thị với các hệ quả của xã hội đi kèm và chuyển đổi từ cấu trúc làng xã sang cấu trúc đơn vị ở của đô thị. Khi đã trở thành một làng ở ngay trong nội đô, các không gian thành phần thuộc không gian phục vụ công cộng của làng có thể tồn tại nhưng với một quy mô hết sức nhỏ, sức hút có thể bị giảm sút bởi lẽ các khu dịch vụ công cộng của thành phố ở ngoài làng đã dần chiếm mất vai trò và ưu thế sức hút của các không gian này. Tuy nhiên, các không gian cá thể thuộc nhà ở và đặc biệt là các không gian sinh hoạt cộng đồng và không gian dịch vụ sinh hoạt công cộng nội đồng (trong làng) thì hầu hết vẫn giữ được vai trò của mình trong đời sống sinh hoạt của cư dân làng. Các công trình công cộng làng xã như đình làng, chùa làng, đền miếu tại các làng nội đô như Kim Liên, Ngọc Hà, Láng Thượng, Khương Trung... vẫn được các tầng lớp nhân dân giữ gìn, coi đó là môi trường nuôi dưỡng ý thức bản địa cội nguồn phục vụ sinh hoạt cộng đồng, nơi

diễn ra các loại giao tiếp xã hội. Tính chất của không gian sinh hoạt cộng đồng đã có một số thay đổi, bởi những tác động ảnh hưởng trực tiếp của quá trình đô thị hoá. Những tính chất và quy mô của không gian riêng tư (cá thể) từ khuôn viên nhà ở, không gian đường làng ngõ xóm ngoài nhà đến không gian công cộng của nhóm nhà, khu nhà... đã có những thay đổi đáng kể so với nguyên gốc của cấu trúc làng truyền thống. Nếu như nhà ở tại các làng truyền thống trước đây ngoài chức năng để ở, nhà ở còn có chức năng sản xuất (chăn nuôi, kinh tế gia đình với ngành nghề thủ công) với sân vườn rộng rãi thì nhà ở tại các làng nội đô hầu hết đã mang tính chất của nhà ở đô thị với quy mô đất thổ cư thu nhỏ nên chỉ một số lượng không lớn là vẫn giữ được chức năng sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống. Ngoài ra phải kể đến mật độ cư trú cũng như mật độ xây dựng tại các làng nội đô đã làm thay đổi đáng kể quy mô và tính chất ngôi nhà. Những năm kinh tế thị trường gần đây đã làm cho cấu trúc nhiều làng nội đô gần như bị phá vỡ hoàn toàn, đang trở thành các "*khu ổ chuột - làng xã*" với chất lượng sống đáng báo động rất cần được cải tạo hoặc xóa bỏ.

2. Việc phát triển tự phát của các làng ven đô có thể dẫn đến phá vỡ "*sự cân bằng sinh thái*" được hình thành bền vững, ổn định trong lịch sử lâu dài của dân tộc, vì đã thể hiện sự thích nghi đa dạng với khí hậu, với địa hình ở ngay trong kinh nghiệm và thói quen ứng xử trước các tác động môi trường thiên nhiên của người Việt. Điều đó cũng tất yếu tạo ra nguy cơ của sự tàn phá môi trường và xâm hại phá vỡ lối sống truyền thống. Hà Nội cùng các làng ven đô có lịch sử hình thành và phát triển trên 1000 năm với không ít những thăng trầm, đã định hình những bản sắc văn hoá riêng. Nơi đây còn tồn lưu những giá trị văn hoá truyền thống phi vật thể với các truyền tích, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng và lối sống truyền thống (giá trị tinh thần) và vật thể trong khung cảnh làng quê Việt Nam với cây đa, bến nước, mái đình, cảnh chùa, đất bụt... (giá trị vật chất) rất đáng gìn giữ

nhưng cũng đang có nguy cơ bị lãng quên hay xâm hại.

3. Chuyển đổi cấu trúc các làng nội đô và các làng ven đô thị trong quá trình đô thị hoá cần trên quan điểm làng xóm.

- Được quan niệm như một cấu trúc đơn vị ở trong quy hoạch hiện đại và lối sống đô thị truyền thống Việt Nam. Nếu không thể hội tụ các điều kiện thì cần có kế hoạch từng bước giải toả để tạo nguồn đất mới, hỗ trợ tích cực quá trình hiện đại hoá vùng nội đô.

- Là bảo tàng sống lưu giữ phương thức sinh hoạt cộng đồng dân dã, mang đậm sắc thái riêng vùng đất Hà Nội (làng du lịch sinh thái và làng nghề).

- Là nơi không những sản xuất ra những điều kiện vật chất và phương thức sinh hoạt hiện đại mà còn sản xuất ra ý thức và tinh thần mang cốt cách Việt Nam, bản sắc dân tộc.

- Là những mắt xích của hệ sinh thái đô thị. Là đơn vị ở cân bằng sinh thái tạo sự phát triển bền vững.

4. Giải pháp về quy hoạch, kiến trúc có thể tham khảo các mặt sau đây:

a. Mục tiêu: Cần bảo đảm được các giá trị đã đề cập ở phần trên.

+ Hệ thống cây xanh như "mạng lưới" vừa bao bọc, vừa che chở các công trình kiến trúc, vừa như những trái tim, là phổi của quần cư đô thị, dẫn gió, tạo môi trường trong lành.

+ Lưu giữ và phát triển các giá trị cảnh quan như cây xanh, mặt nước trong mỗi làng quê thôn xóm, biến nó thành những không gian nghỉ ngơi, thư giãn cộng đồng cho từng "đơn vị ở - xóm nhà", phục vụ tốt cả cho khách du lịch như nơi nghỉ ngơi cuối tuần cho toàn thành phố.

+ Không gian trung tâm sinh hoạt cộng đồng của làng cần trở thành không gian tâm linh chung của cộng đồng được kết hợp làm trung tâm dịch vụ công cộng phục vụ không chỉ địa phương mà cả khách thập phương vãng lai (khu khách sạn nhà vườn- sinh thái đan xen các công trình văn hoá di tích và trung tâm giới thiệu sản phẩm ngành nghề truyền thống).

b. Định hướng: Đảm bảo sự hài

hoà về 3 mặt: bảo tồn, cải tạo và phát triển tạo thế cân bằng sinh thái ổn định bền vững.

+ Bảo tồn:

- Hình thức kiến trúc truyền thống: các nhà cổ có giá trị cần được lưu giữ, được phục hồi cảnh quan truyền thống bằng sự dần dần thích ứng. Làng nội đô nên từng bước xoá bỏ, chỉ làng nào còn giữ được nhiều giá trị mới nên cải tạo biến thành làng du lịch sinh thái.

- Không gian sinh hoạt cộng đồng: các di tích lịch sử gắn liền với ý thức tâm linh của người dân, là những không gian đặc trưng của làng quê Việt Nam cần chú ý khai thác, tận dụng trong quá trình chuyển đổi cấu trúc làng xã để trở thành khu ở, đơn vị ở đô thị hiện đại. Lưu giữ và nâng cấp các không gian này để biến thành các không gian phục vụ sinh hoạt cộng đồng của đơn vị ở hiện đại. Đặc biệt phải bảo tồn các cây cổ thụ, là các nhân chứng lịch sử không dễ gì tạo ra trong vài ba thế hệ con người.

+ Cải tạo:

- Phát triển, kế thừa được những không gian cộng đồng truyền thống, các hình thức kiến trúc truyền thống nhằm tạo sự hài hoà về cảnh quan giữa cũ và mới, bằng sự bảo tồn các di tích, cảnh quan giá trị và từng bước khôi phục, nâng cấp các giá trị đó.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật làng xã ven đô cho phù hợp với nhu cầu mới trong tương lai sắp tới của quần cư đô thị hoá để đảm bảo phát triển bền vững.

- Tổ chức khu nhà ở kết hợp nơi sản xuất (các phường, hội) sao cho phù hợp cảnh quan truyền thống và lối sống đô thị hiện đại và không gây ô nhiễm môi trường.

+ Phát triển:

- Xoá bỏ đại bộ phận làng nội đô không còn khả năng cải tạo để tạo quỹ đất xây dựng mới. Các làng cũ được chuyển dời sang các khu đất mới cạnh đó để tiện tổ chức làng xã ven đô kiểu mới có khả năng phát triển bền vững và tái định cư một cách thuận lợi.

- Các công trình kinh doanh, dịch vụ du lịch, văn hoá sinh thái trong các làng nội đô chưa bị xoá bỏ (còn tận dụng được) để tạo thành khu nghỉ ngơi

c cuối tuần, nơi tham quan du lịch, trung tâm giao dịch giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống.

- Xây dựng nhà ở mới cần phù hợp cảnh quan truyền thống nhưng không mâu thuẫn lối sống đô thị bằng các kiểu nhà ở thấp tầng mật độ xây dựng cao, nhằm tiết kiệm đất đai đô thị và kinh phí đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật và xã hội, phục vụ tốt cho các khu dân dân, cho cả các làng nghề nội đô kiểu mới và làng ven đô truyền thống đảm bảo sự phát triển bền vững.

c. Giải pháp cụ thể gợi ý cho làng ven đô (Hà Nội).

- Cho khu trung tâm sinh hoạt cộng đồng:

+ Bảo tồn, tôn tạo những công trình văn hoá tín ngưỡng không gian lễ hội: Đình, Chùa, Đền, Miếu, Cổng làng, Quán nghỉ...

+ Xây dựng thêm những chức năng mới: Trung tâm giới thiệu sản phẩm, ứng dụng nghiên cứu KHCN, câu lạc bộ (dạy nghề, thư viện vui chơi giải trí) khu cây xanh vườn cây ăn quả, cây cảnh.

+ Cải tạo công trình y tế giáo dục: trường cấp 1, cấp 2, trạm xá xã.

+ Cải tạo mở rộng 2 trục đường chính, lưu giữ hệ thống ao hồ trong chừng mực có thể.

- Cho khu nhà ở:

+ Bảo tồn và khôi phục hình thức không gian kiến trúc một số ngôi nhà dân gian truyền thống trong mối liên hệ với thiên nhiên (nhà vườn).

+ Đưa ra mô hình cải tạo xây dựng mới cho những nhà ở kiểu truyền thống có mật độ xây dựng cao.

+ Cải tạo tuyến đường phụ ngõ cụt bằng cách lát gạch giếng đáy truyền thống, xây kín hệ thống thoát nước thải nổi trên mặt đất, xây mới hệ thống cống ngầm lớn nhằm nâng cấp hạ tầng kỹ thuật.

+ Tạo không gian mở ở các ngõ xóm với tác dụng mở rộng tầm nhìn, làm thành sân vui chơi, không gian xanh của xóm (tạo cảnh quan thiên nhiên cho ngõ xóm).